TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2017
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Phương.
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân.

- ***Thư ký phiên toà:*** bà Nguyễn Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa: ông Phan Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Thanh T, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Chị Trương Thị V, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt đầy đủ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Phan Thanh T trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, anh và chị Trương Thị Ngọc V đã tổ chức lễ cưới và ngày 26/6/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Long An. Vợ chồng anh T và chị V sống với nhau có 02 con chung Phan Thị Tường V,

sinh ngày 19/01/2013 và Phan Tiến P, sinh ngày 26/8/2015. Trong thời gian chung sống, anh T và chị V phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình và cách sống không hợp nhau. Đến ngày 02/7/2016, vợ chồng có cãi vả nên chị V cùng các con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh T và chị V đã sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tại, anh T đang ở chung nhà với cha mẹ ruột của anh và anh T đang làm nghề chích thuốc thú y thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng.

Anh T nhận thấy mâu thuẫn gia đình trầm trọng nên anh xin được ly hôn với chị V; Về con chung: anh T yêu cầu nuôi dưỡng 01 con chung Phan Thị Tường V và anh đồng ý để chị V được tiếp tục nuôi con chung Phan Tiến P, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: vợ chồng không có nợ ai khác hoặc người khác nợ vợ chồng.

Bị đơn chị Trương Thị Ngọc V trình bày:

Chị V thống nhất theo lời trình bày của T về hôn nhân và con chung. Chị V thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Chị với anh T đã sống ly thân từ ngày 02/7/2016 và chị là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phan Thị Tường V và Phan Tiến P. Sau 03 tháng sống ly thân, chị biết được anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Từ khi sống ly thân đến nay, anh T ít khi đến thăm các con và cũng không phụ cấp gì để nuôi con. Hiện tại chị và các con đang sống cùng nhà với cha mẹ ruột của chị. Buổi sáng chị bán nước giải khát kiếm được 120.000 đồng, buổi chiều làm thêm cho Công ty Cổ phần Đô thị H, mỗi buổi được trả công 65.000 đồng, thu nhập của chị hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng.

Trước yêu cầu của anh T thì chị V đồng ý ly hôn với anh T; Về con chung: chị V yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Phan Thị Tường V và Phan Tiến P, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; Về tài sản: chị V rút đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung của vợ chồng; Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai khác hoặc người khác nợ vợ chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Do chị V đã rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên việc giải quyết vụ án này không còn liên quan đến bà nữa. Còn vấn đề ly hôn và nuôi con chung giữa anh T và chị V thì bà không có ý kiến, tùy thuộc vào quyết định của anh T, chị V.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng, Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án, trong vụ kiện này nguyên đơn Phan Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Ngọc V. Trong thời gian chung sống anh T và chị V phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến ngày 02/7/2016, giữa anh T và chị V xảy ra cãi vả và vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Anh T yêu cầu ly hôn với chị V và chị V cũng đồng ý ly hôn với anh T nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều

55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T với chị V; Về con chung: anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng 01 con chung Phan Thị Tường V; chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung Phan Thị Tường V và Phan Tiến P. Xét thấy, mức thu nhập của anh T với chị V chỉ tương đối ổn định, với mức thu nhập này chị V không đảm bảo để lo cho hai con Tường V và Tiến P. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Tường V cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc và giao con chung Tiến P cho chị V nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp; Hai cháu Tường V và Tiến P là con chung của anh T với chị V nên cả hai anh, chị đều phải có trách nhiệm đối với con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, do mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản: chị V rút đơn không yêu cầu giải quyết chia tài sản nên đình chỉ không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tiến hành đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về nội dung vụ án:*

[1] Về hôn nhân: anh Phan Thanh T với chị Trương Thị Ngọc V tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Long An vào ngày 26/6/2012. Đây là hôn nhân đúng theo qui định của pháp luật.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng anh T với chị V hạnh phúc, nhưng về sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ nhau. Hiện anh T với chị V không còn sống chung mà đã sống ly thân từ ngày 02/7/2016 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T với chị V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh T yêu cầu được ly hôn với chị V, đồng thời chị V cũng đồng ý ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên ghi nhận.

[2] Về con chung: anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng 01 con chung Phan Thị Tường V. Còn chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung Phan Thị Tường V và Phan Tiến P. Xét thấy, qua xác minh cũng như các chứng cứ do anh T và chị V cung cấp, anh T và chị V đều thu nhập bình quân tương đối ổn định, mỗi tháng trung bình khoảng 5.000.000đồng. Với mức thu nhập này chị V không đảm bảo để lo cho hai con Tường V và Tiến P, nên anh T yêu cầu nuôi dưỡng 01 con chung Phan Thị Tường V là có cơ sở. Do đó, giao anh T và chị V mỗi người nuôi một con chung là phù hợp với các Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình. Phan Tiến P còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ nên giao Tiến P cho chị V nuôi dưỡng và giao Tường V cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

[3] Về cấp dưỡng: Do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc Tường V và chị V nuôi dưỡng, chăm sóc Tiến P. Anh T với chị V mỗi người đều có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi Tường V và Tiến P đủ 18 tuổi, mỗi người

ai cũng có trách nhiệm lo cho con, cho nên anh T và chị V không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: chị V rút đơn không yêu cầu giải quyết về chia tài sản khi ly hôn nên đình chỉ giải quyết là phù hợp các điều 217, 218, 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả lại cho chị V.

[5] Về nợ chung: không có, nên không đề cập đến.

Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Thanh T với chị Trương Thị Ngọc V; Về con chung giao Phan Tiến P, sinh ngày 26/8/2015 cho chị V nuôi dưỡng và giao Phan Thị Tường V, sinh ngày 19/01/2013 cho anh T nuôi dưỡng; Anh T với chị V không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: đình chỉ không giải quyết là có căn cứ.

Về án phí: Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Phan Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003844 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Chị Trương Thị Ngọc V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Trương Thị Ngọc V số tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0003852 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 17, 51, 55, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: anh Phan Thanh T và chị Trương Thị Ngọc V thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

Anh Phan Thanh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phan Thị Tường V, sinh ngày 19/01/2013, giới tính: Nữ; Chị Trương Thị Ngọc V có nghĩa vụ giao Phan Thị Tường V cho anh Phan Thanh T.

Chị Trương Thị Ngọc V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phan Tiến P, sinh ngày 26/8/2015, giới tính: Nam.

3.Về cấp dưỡng: Anh Phan Thanh T và chị Trương Thị Ngọc V không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của các con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Trương Thị Ngọc V về chia tài sản.

Về án phí: Anh Phan Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003844 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Anh Phan Thanh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trương Thị Ngọc V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Trương Thị Ngọc V 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003852 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh; - VKSND tỉnh/H;;
- CQ THA DS; - Các Đ/s;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Cẩm Nhung